

HIỆN TRẠNG CÁC LOÀI KHUYẾT THỰC VẬT TẠI VƯỜN QUỐC GIA KON KA KINH, TỈNH GIA LAI

ĐỖ THỊ XUYẾN

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Khuyết thực vật hay còn gọi là nhóm thực vật bậc cao sinh sản bằng bào tử, là nhóm thực vật nhạy cảm, dễ bị tổn thương nhất khi môi trường sống thay đổi. Bên cạnh đó, các loài thuộc nhóm này hầu hết là các loài thực vật có đời sống gắn liền với môi trường ẩm ướt, thường sống trong các khu rừng nguyên sinh hay sống trong môi trường nước. Đặc biệt trong chu trình sống có một thời gian bắt buộc phải gắn với môi trường nước (sự nảy mầm và kết hợp giữa các nguyên tử của khuyết thực vật). Do vậy, nhóm thực vật này đang được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi đưa ra thông tin về đa dạng các loài và hiện trạng của khuyết thực vật tại Vườn Quốc gia (VQG) Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Là các loài khuyết thực vật tại VQG Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai (chỉ tập trung vào đối tượng khuyết thực vật thuộc các ngành thực vật bậc cao có mạch). Theo đó có 4 ngành thực vật bậc cao có mạch được điều tra là ngành Khuyết lá thông (Psilotophyta); ngành Thông đất (Lycopodiophyta); ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta); ngành Dương xỉ (Polypodiophyta).

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra theo tuyến, điều tra theo ô tiêu chuẩn nhằm thu thập mẫu thực vật và hiện trạng loài; phương pháp hình thái so sánh trong giám định mẫu thực vật; Phương pháp phỏng vấn nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) nhằm tìm hiểu hiện trạng sử dụng các loài khuyết thực vật. Việc xây dựng danh lục theo hệ thống của Phan Kế Lộc (2001).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đa dạng các loài khuyết thực vật ở VQG Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai

Qua quá trình điều tra thực địa, chúng tôi ghi nhận VQG Kon Ka Kinh có 126 loài thực vật bậc cao có mạch sinh sản bằng bào tử, 28 họ thuộc 4 ngành trong đó ngành Khuyết lá thông (Psilotophyta) có 1 họ, ngành Thông đất (Lycopodiophyta) có 2 họ, ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta) có 1 họ và ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 24 họ. Các họ nhiều loài phải kể đến như Polypodiaceae với 26 loài, Dennstaedtiaceae với 9 loài, Dryopteridaceae và Lycopodiaceae cùng với 8 loài. Các chi nhiều loài như chi *Pteris* và *Asplenium* với 7 loài, *Pyrrhosia* và *Colysis* với 5 loài,... . Các loài phân bố ở nhiều địa hình, nhiều môi trường trong VQG nhưng chủ yếu là ở những nơi ven suối, các nơi ẩm, dưới tán rừng, chịu bóng. Nhiều loài có độ gặp hiếm trong khu vực nghiên cứu. Chi tiết chỉ ra ở bảng sau:

Bảng 1

Danh lục các loài khuyết thực vật tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Độ gặp, phân bố	Giá trị và tình trạng bảo tồn
	I. PSILOTOPHYTA	NGÀNH KHUYẾT LÁ THÔNG		
	(1) Psilotaceae	Khuyết lá thông		
1	<i>Psilotum nudum</i> (L.) P. Beauv.	Quyết lá thông, Không hạt lá thông	Rất hiếm gặp, ở nơi ẩm, nhiều mùn.	T; SĐ 1996
	II. LYCOPODIOPHYTA	NGÀNH THÔNG ĐẤT		
	(2) Lycopodiaceae	Họ Thông đất		
2	<i>Huperzia phlegmaria</i> (L.) Roth	Thạch tùng đuôi ngựa	Hiếm gặp, nơi ẩm, bám trên cây ven suối.	T
3	<i>Huperzia serrata</i> (Thunb.) Trevis	Thạch tùng răng	Ít gặp, nơi ẩm.	T
4	<i>Huperzia squarrosa</i> (Forst.) Trevis	Râu rồng	Hiếm gặp, nơi ẩm, bám trên cây ven suối.	T
5	<i>Lycopodiella cernua</i> (L.) Pic.-Serm.	Thông đất	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	T, C (đã có giá trị thương mại)
6	<i>Lycopodium annotium</i> L.	Thạch tùng nhiều bông	Hiếm gặp, nơi ẩm, bám trên cây ven suối.	T
7	<i>Lycopodium casuarinoides</i> Spring	Thạch tùng phi lao	Ít gặp, nơi ẩm, bám trên cây, trên đá ven, dưới tán rừng.	T
8	<i>Lycopodium clavatum</i> L.	Thạch tùng	Thỉnh thoảng gặp, ở nơi nhiều ánh sáng	T
9	<i>Lycopodium complanatum</i> L.	Thạch tùng dẹp	Thỉnh thoảng gặp, ở nơi nhiều ánh sáng	T
	(3) Selaginellaceae	Họ Quyển bá		
10	<i>Selaginella delicatula</i> (Desv.) Alst.	Quyển bá yếu	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	T
11	<i>Selaginella dodderleinii</i> Hieron	Quyển bá xanh lục	Hiếm gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
12	<i>Selaginella involvens</i> (Sw.) Spring	Quyển bá quán	Hiếm gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng, bám trên cây.	T
13	<i>Selaginella picta</i> A. Br. ex Baker	Quyển bá đóm	Hiếm gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng, trên đất.	T

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Độ gặp, phân bố	Giá trị và tình trạng bảo tồn
	III. EQUISETOPHYTA	NGÀNH THÂN ĐÓT/CỎ THÁP BÚT		
	(4) Equisetaceae	Họ Cỏ tháp bút		
14	<i>Equisetum ramossissimum</i> L.	Cỏ tháp bút	Thỉnh thoảng gặp, nơi đất cát, dọc ven suối.	T
	IV. POLYPODIOPHYTA	NGÀNH DƯƠNG XỈ		
	(5) Adiantaceae	Họ Tóc thần		
15	<i>Adiantum capillus-veneris</i> L.	Tóc thần	Ít gặp, bám trên cây, hốc đá có mùn.	T, C
16	<i>Adiantum flabellulatum</i> L.	Dớn đen	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng.	T
17	<i>Adiantum philippense</i> L.	Tóc thần philippin	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng.	T
18	<i>Cheilanthes tenuifolia</i> (Burm.f.) Sw.,	Ráng có môi lá mảnh	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng.	T
19	<i>Monachosorum henryi</i> H. Christ	Ráng tụ quần	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng.	T
20	<i>Pityrogramma calomelanos</i> (L.) Link	Ráng chò chanh	Thỉnh thoảng gặp, nơi đất khô ráo, nhiều ánh sáng. Ven đường đi vào rừng.	Cải tạo đất
21	<i>Taenitis blechnoides</i> (Willd.) Sw.	Ráng đai dực	Phổ biến, dọc đường đi trong rừng.	
	(6) Aspleniaceae	Họ Tổ điều		
22	<i>Asplenium crinicaule</i> Hance	Thiết giác thân có lông	Hiếm gặp. Ven suối ẩm	T
23	<i>Asplenium falcatum</i> Lamk.	Thiết giác lưỡi liềm	Hiếm gặp. Ven suối ẩm	T
24	<i>Asplenium griffithianum</i> Hook.	Thiết giác lá nguyên	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
25	<i>Asplenium nidus</i> L.	Tổ điều thật	Phổ biến, phụ sinh trên cây gỗ.	T, R, C (đã có giá trị thương mại)
26	<i>Asplenium normale</i> D. Don	Thiết giác thường	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
27	<i>Asplenium praemorsum</i> Sw.	Thiết giác cụt	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
28	<i>Asplenium prolongatum</i> Hook.	Thiết giác lá dài	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng.	T

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Độ gặp, phân bố	Giá trị và tình trạng bảo tồn
	(7) Azollaceae	Họ Bèo hoa dâu		
29	<i>Azolla pinnata</i> R. Br.	Bèo hoa dâu	Gặp nhiều ở những nơi nước đọng, vũng áng trong rừng.	R, T, tags
	(8) Blechnaceae	Họ Ráng lá dứa		
30	<i>Blechnum orientale</i> L.	Ráng lá dứa thường	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	T, C, R
31	<i>Brainea insignis</i> (Hook.) J. Sm.	Ráng biệt xỉ	Ít gặp, ven suối ẩm, dưới tán rừng.	T
32	<i>Stenochlaena palustris</i> (Burm.f.) Bedd.	Dây choại	Gặp nhiều, nơi sáng, leo trên cây khác thành chùm bụi.	R (đã có giá trị thương mại), T, tags
33	<i>Woodwardia japonica</i> (L. f.) Sm.	Ráng bích hoạ nhật	Ít gặp, ven suối ẩm, dưới tán rừng.	T
34	<i>Woodwardia unigemmata</i> (Makino) Nakai	Ráng bích hoạ một chồi	Ít gặp, ven suối ẩm, dưới tán rừng.	T
	(9) Cyatheaceae	Họ Dương xỉ mộc		
35	<i>Cyathea gigantea</i> (Wall. ex Hook.) Holttum	Ráng gỗ nhãn	Ít gặp, dưới tán rừng ẩm.	T, giá thể trồng lan
36	<i>Cyathea podophylla</i> (Hook.) Copell	Ráng gỗ có cuống	Ít gặp, dưới tán rừng ẩm.	Giá thể trồng lan
	(10) Davaliaceae	Họ Ráng đà hoa		
37	<i>Araiostegia pulchra</i> (D. Don.) Copel.	Ráng răng trắng vân nam	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng.	T
38	<i>Davallia divaricata</i> Blume	Ráng đà hoa to	Ít gặp, leo trên cây hay trên hốc đá có mùn, dưới tán rừng ẩm.	T
39	<i>Davallia repens</i> (L. f.) Kuhn	Ráng đà hoa bò	Ít gặp, leo trên cây hay trên hốc đá có mùn, dưới tán rừng ẩm.	T
40	<i>Leucostegia immersa</i> (Wall. ex. Hook.) C. Presl	Ráng răng trắng chìm	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng.	T
	(11) Dennstaedtiaceae	Họ Ráng đàn tiết		
41	<i>Hypolepis punctata</i> (Thunb.) Mett. ex Kuhn	Ráng hạ lân đốm	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng.	T
42	<i>Lindsaea ensifolia</i> Sw.	Ráng liên sơn gươm	Khá phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng.	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Độ gặp, phân bố	Giá trị và tình trạng bảo tồn
43	<i>Lindsaea javanica</i> Bl.	Ráng liên sơn java	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng.	
44	<i>Lindsaea orbiculata</i> (Lam.) Mett. ex Kuhn	Ráng liên sơn tròn	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	T
45	<i>Microlepia hookeriana</i> (Thunb.) C. Presl	Ráng vi lân hooker	Khá phổ biến, dưới tán rừng, ven đường đi trong rừng.	
46	<i>Microlepia speluncae</i> (L.) Moore	Ráng vi lân to	Khá phổ biến, dưới tán rừng, ven đường đi trong rừng.	
47	<i>Microlepia strigosa</i> (Thunb.) C. Presl	Ráng vi lân nhám	Ít gặp, ở nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
48	<i>Pteridium aquylinum</i> (L.) Kunh	Ráng cánh to	Khá phổ biến, nơi nhiều ánh sáng, khô ráo, ven đường đi vào rừng.	T, R
49	<i>Sphenomeris chinensis</i> (L.) Max.	Ráng ô phi tàu, Ô quyết	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng.	
	(12) Diksoniaceae	Họ Lòng cu li		
50	<i>Cibotium bazomet</i> (L.) J. Sm.	Lòng cu li	Ít gặp, những nơi ẩm, dưới tán rừng, cây nhỏ.	T, C (có giá trị thương mại); SĐ 96
	(13) Dryopteridaceae	Họ Ráng cánh bản		
51	<i>Dryopteris chinensis</i> (Bak.) Koidz.	Ráng đa hàng trung quốc	Ít gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
52	<i>Polystichum amabile</i> (Bl.) J. Sm.	Ráng đa hàng	Thỉnh thoảng gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
53	<i>Polystichum biaristatum</i> (Bl.) Moore	Ráng đa hàng hai lông gai	Ít gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
54	<i>Polystichum indichinense</i> Tard. & C. Chr.	Ráng đa hàng đông dương	Thỉnh thoảng gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
55	<i>Polystichum aff. grande</i> Chinh	Ráng đa hàng to	Ít gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
56	<i>Pteridrys syrmatia</i> C. Chr.	Ráng đa hàng lê	Ít gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
57	<i>Tectaria brachiata</i> (Z & M.) Morton	Ráng yểm có nhánh	Thỉnh thoảng gặp, dưới tán rừng, nơi ẩm.	
58	<i>Tectaria decurens</i> (Presl.) Copel	Ráng yểm dực cánh	Khá phổ biến, dưới tán rừng, nơi ẩm.	T

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Độ gặp, phân bố	Giá trị và tình trạng bảo tồn
	(14) Gleicheniaceae	Họ Tế guột		
59	<i>Dicranopteris linearis</i> (Burm.f.) Underw	Tế thường, Guột	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng.	T, dây buộc, đan lát, làm hàng thủ công mỹ nghệ
	(15) Hymenophyllaceae	Họ Ráng lá màng		
60	<i>Crepidomanes auriculatum</i> (Blume) K. Iwats.	Ráng màng gầy có tai	Hiếm gặp, phụ sinh trên đá, trên cây, nơi ẩm, ven suối.	T
61	<i>Crepidomanes radicans</i> (Sw.) Copel.	Ráng đàn tiết rễ	Hiếm gặp, phụ sinh trên đá, trên cây, nơi ẩm, ven suối, nơi có nhiều rêu.	
	(16) Lomariopsidaceae	Họ Dây choại giả		
62	<i>Bolbitis heteroclita</i> (Presl.) Ching	Ráng bích xỉ dạng lạ	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng	T
63	<i>Bolbitis prolifera</i> (Fée.) C. Chr.	Ráng bích xỉ sinh sôi	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, ven suối, dưới tán rừng	
64	<i>Bolbitis subcordata</i> (Copel.) Ching ex C. Chr	Ráng bích xỉ gần tim	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng	T
	(17) Marattiaceae	Họ Móng ngựa		
65	<i>Angiopteris evecta</i> (Forst.) Hoffm.	Móng ngựa lá to	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, ven suối, dưới tán rừng	T, C
66	<i>Angiopteris somae</i> (Hayata) Makino	Móng ngựa nguyên	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, ven suối, dưới tán rừng	C
	(18) Marsilleaceae	Họ Rau bợ		
67	<i>Marsilea quadrifolia</i> L.	Rau bợ thường	Thỉnh thoảng gặp, nơi có nước đọng, ven suối ẩm.	R, T, tags
	(19) Oleandraceae	Họ Ráng lá chuối		
68	<i>Nephrolepis cordifolia</i> (L.) C. Presl,	Cốt cần, Ráng móng trâu tim	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng	T, R
69	<i>Oleandra musifolia</i> (Blume) C. Presl	Ráng lá chuối thật	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng	
70	<i>Oleandra pistillaris</i> (Sw.) C. Chr.	Ráng lá chuối vôi	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng	
	(20) Ophioglossaceae	Họ Lưỡi rắn		
71	<i>Botrychium lanuginosum</i> Wall.	Âm địa quyết nhung lông	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng.	T

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Độ gặp, phân bố	Giá trị và tình trạng bảo tồn
72	<i>Botrychium ternatum</i> (Thunb.) Sw.	Âm địa quyết	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng	T
73	<i>Ophioglossum pendulum</i> L.	Xà thiệt thông	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng, bám trên cây.	T
	(21) Osmundaceae	Họ Ráng ắt minh		
74	<i>Osmunda cinnamomea</i> L	Ráng ắt minh quế	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, dưới tán rừng	T
75	<i>Osmunda vachellii</i> Hook.,	Ráng ắt minh vasasse	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, ven suối, dưới tán rừng	T
	(22) Pakeriaceae	Họ Rau cần trời		
76	<i>Ceratopteris thalictroides</i> (L.) Brongn	Rau cần trời/trôi	Ít gặp, nơi có nước đọng, ven suối ẩm.	T, tags, R
	(23) Polypodiaceae	Họ Ráng		
77	<i>Aglaomorpha coronans</i> (Willd.) Hovenkamp	Cốt toái bỏ giả	Khá phổ biến, nơi ẩm, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng, chịu bóng.	T, C (đã có giá trị thương mại)
78	<i>Colysis digitata</i> (Baker) Ching	Ráng cổ lý chẻ ngón	Thỉnh thoảng gặp, mọc ở đất nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
79	<i>Colysis elliptica</i> (Thunb.) Ching	Ráng cổ lý elip	Thỉnh thoảng gặp, mọc ở đất nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
80	<i>Colysis hemionitideus</i> (Wall. ex Mett.) Copel	Ráng cổ lý phai, Ổ vạch đứt đoạn	Hiếm gặp, dưới tán rừng ẩm	T
81	<i>Colysis insignis</i> (Blume) L. Sm	Ráng cổ lý đặc biệt	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, ven suối, dưới tán rừng	T
82	<i>Colysis pothifolia</i> (D. Don) C. Presl	Ráng cổ lý bầu dục	Thỉnh thoảng gặp, mọc ở đất nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
83	<i>Crypsinus griffithianus</i> (Hook.) Copel	Ráng ổ chìm griffit	Thỉnh thoảng gặp, mọc ở đất nơi ẩm, dưới tán rừng.	T
84	<i>Crypsinus trilobus</i> (Houtt.) Copel.,	Ráng ổ chìm ba thùy	Rất hiếm gặp, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng	T
85	<i>Drynaria bonii</i> H. Christ	Tắc kè đá bon	Hiếm gặp, phụ sinh trên cây hay trên đá, dưới tán rừng	T (có giá trị thương mại); SĐ 2007, VU

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Độ gặp, phân bố	Giá trị và tình trạng bảo tồn
86	<i>Drynaria fortunei</i> (Kunze ex Mett.) J. Sm.	Tắc kè đá foóctum	Thỉnh thoảng gặp, phụ sinh trên cây hay trên đá, dưới tán rừng	T (có giá trị thương mại); SĐ 2007, EN
87	<i>Drynaria quercifolia</i> (Linn.) J. Sm.	Ráng đuôi phụng lá sồi	Rất hiếm gặp, phụ sinh trên cây hay trên đá, dưới tán rừng	T (có giá trị thương mại)
88	<i>Goniophlebium amoenum</i> (Mett.) Bedd.,	Ráng gần vuông amôê	Ít gặp, mọc ở đất ẩm, ven suối, dưới tán rừng	T
89	<i>Lemmaphyllum carnosum</i> (Hook.) C. Presl	Ráng vẩy ốc nạc	Thỉnh thoảng gặp, phụ sinh trên cây gỗ trong rừng ẩm.	T
90	<i>Lepiorus obscuro-venulosus</i> (Hayata) Ching	Ráng ỏ vẩy gân mờ	Hiếm gặp, phụ sinh trên cây gỗ trong rừng ẩm.	T
91	<i>Lepiorus scolopendrium</i> (Buch.-Ham. ex D. Don) Tagawa	Ráng ỏ vẩy lưỡi hươu	Hiếm gặp, phụ sinh trên cây gỗ trong rừng ẩm.	T
92	<i>Lepiorus subrostratus</i> (C. Chr.) C. Chr. & Tardieu,	Ráng ỏ vẩy có đuôi	Khá phổ biến, phụ sinh trên cây gỗ trong rừng ẩm.	T
93	<i>Loxogramme chinensis</i> Ching	Ráng ỏ xiên tàu	Ít gặp, phụ sinh trên cây hay bò lan bãi đá có mùn, dưới tán rừng.	T
94	<i>Microsorium fortunei</i> (T. Moore) Ching,	Ráng ỏ nhỏ foóctun	Ít gặp, phụ sinh trên cây hay bò lan bãi đá có mùn, dưới tán rừng.	T
95	<i>Microsorium membranaceum</i> (D. Don) Ching	Ráng ỏ nhỏ mỏng	Ít gặp, phụ sinh trên cây hay bò lan bãi đá có mùn, dưới tán rừng.	T
96	<i>Microsorium punctatum</i> (L.) Copel	Ráng ỏ nhỏ chấm	Ít gặp, dưới tán rừng ẩm, ven suối.	T
97	<i>Platyserium coronarium</i> (Koenig) Desv.	Ổ phượng tràng	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng, ưa bóng.	T, C (đã có giá trị thương mại)
98	<i>Pyrrhosia lanceolata</i> (L.) Farw.	Ráng tai chuột thường	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng, ưa bóng.	T
99	<i>Pyrrhosia lingua</i> (Thunb.) Farw.	Ráng tai chuột lưỡi dao	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng, ưa bóng.	T, C

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Độ gặp, phân bố	Giá trị và tình trạng bảo tồn
100	<i>Pyrrhosia mollis</i> (Kunze) Ching	Ráng tai chuột mềm	Hiếm gặp, nơi ẩm, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng, ưa bóng.	T
101	<i>Pyrrhosia nummularifolia</i> (Sw.) Ching	Ráng tai chuột đồng tiền	Rất hiếm gặp, dưới tán rừng ẩm, ven suối.	
102	<i>Pyrrhosia petiolosa</i> (H. Christ) Ching	Ráng tai chuột cuống	Ít gặp, nơi ẩm, phụ sinh trên cây, dưới tán rừng, ưa bóng.	T
	(24) Pteridaceae	Họ Ráng seo gà		
103	<i>Pteris biaurita</i> L.	Ráng seo gà hai tai	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm và nơi khô ráo, ven đường đi trong rừng	T
104	<i>Pteris decrescens</i> Chr.	Ráng chân xỉ eo	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, ven suối, dưới tán rừng, ưa bóng.	
105	<i>Pteris ensiformis</i> Burm. f.	Ráng seo gà hình gươm	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, ven suối, dưới tán rừng, ưa bóng.	T
106	<i>Pteris excelsa</i> Gaud.	Ráng chân xỉ cao	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, ven suối, dưới tán rừng, ưa bóng.	
107	<i>Pteris multifida</i> Poir.	Ráng seo gà chẻ nhiều	Hiếm gặp, mọc trên đất nơi ẩm, ven suối.	T
108	<i>Pteris semipinnata</i> L.	Ráng seo gà nửa lông chim	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	T
109	<i>Pteris vittata</i> L.	Ráng seo gà dải	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	T, C
	(25) Schizaeaceae	Họ Bồng bong		
110	<i>Lygodium conforme</i> C. Chr.	Bồng bong to	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	Đan lát, dây buộc, T
111	<i>Lygodium flexuosum</i> (L.) Sw.,	Bồng bong lắt léo	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	Đan lát, dây buộc, T
112	<i>Lygodium japonicum</i> (Thunb.) Sw.,	Bồng bong nhật	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	Đan lát, dây buộc, T
113	<i>Lygodium scandens</i> (L.) Sw.	Bồng bong bò	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	Đan lát, dây buộc, T
114	<i>Schizaea digitata</i> (L.) Sw.	Ráng a diệp chẻ ngón	Ít gặp, ở dưới tán rừng ẩm, ven đường đi trong rừng.	T

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Độ gặp, phân bố	Giá trị và tình trạng bảo tồn
	(26) Thelypteridaceae	Họ Ráng thư dực		
115	<i>Ampelopteris prolifera</i> (Retz.) Copel.	Ráng thư dực đâm chồi	Thỉnh thoảng gặp, mọc trên đất, cả nơi ẩm và khô ráo.	T
116	<i>Christella parasitica</i> (L.) H. Lév.,	Quyết lông thường	Phổ biến, ở nơi nhiều ánh sáng	T
117	<i>Pronephrium lakhimpureense</i> (Posenst.) Holttum	Ráng thận đỏ	Phổ biến, mọc trên đất, cả nơi ẩm và khô ráo.	T
118	<i>Pronephrium nudatum</i> (Roxb.) Holttum	Ráng thận trần	Thỉnh thoảng gặp, mọc trên đất, cả nơi ẩm và khô ráo.	
119	<i>Pronephrium simplex</i> (Hook.) Holttum	Ráng thận đơn	Thỉnh thoảng gặp, mọc trên đất, cả nơi ẩm và khô ráo.	T
120	<i>Pronephrium triphyllum</i> (Sw.) Holttum	Ráng thận ba lá	Thỉnh thoảng gặp, mọc trên đất, cả nơi ẩm và khô ráo.	T
	(27) Vittariaceae	Họ Ráng râu rồng		
121	<i>Antrophyum obovatum</i> Baker,	Ráng lưỡi beo trứng ngược	Hiếm gặp, nơi ẩm, chịu bóng.	T
122	<i>Vittaria elongata</i> Sw.	Ráng râu rồng dài	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, chịu bóng, bám trên cây.	
123	<i>Vittaria ensiformis</i> Sw.	Ráng râu rồng có đai	Thỉnh thoảng gặp, nơi ẩm, chịu bóng, bám trên cây.	
	(28) Woodsiaceae	Họ Ráng gỗ nhỏ		
124	<i>Diplazium dilatatum</i> Bl.	Rau dớn to	Ít gặp, ven đường đi trong rừng, dưới tán, nơi ẩm	
125	<i>Diplazium esculentum</i> (Retz.) Sw.	Rau dớn	Thường gặp, ven đường đi trong rừng	R (đã có giá trị thương mại), T
126	<i>Diplazium subsinuatatum</i> (Wall. ex Hook. et Grév.) Tagawa	Ráng song quần lá đơn	Hiếm gặp, nơi ẩm, ven suối, chịu bóng	T

Ghi chú: Phần công dụng chủ yếu theo ghi nhận của Võ Văn Chi (1999) và Phan Kế Lộc (2001) trong đó T (làm thuốc); C (làm cảnh); R (rau ăn), tags (thức ăn gia súc); SĐVN (Sách Đỏ Việt Nam).

2. Hiện trạng phân bố và sử dụng các loài khuyết thực vật ở VQG Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai

Hiện trạng của các loài khuyết thực vật ở VQG Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai đang đứng trước nhiều nguy cơ gây suy giảm cá thể và quần thể. Theo như quan sát, nhiều quần thể loài bị suy giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau. Như loài Lông cu li (*Cibotium barometz*) là loài cây thuốc và cây cảnh rất đẹp (do rễ cây tạo nên nhiều hình thù lạ mắt, phù hợp thị hiếu người tiêu dùng), do vậy loài này là đối tượng để người dân khai thác trong rừng để bán hay sử dụng. Điều đáng chú ý là bộ phận sử dụng của loài cây này là thân rễ nên thường được người dân thu hái theo kiểu tận thu, nhổ cả gốc. Vì thế loài cây thuốc này đã được đưa vào Sách Đỏ Việt Nam (1996), Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (1996, 2001, 2006),... Hoặc loài Cốt tóai bồ (*Drynaria bonii*), theo Nguyễn Tập (2007) loài cây này chỉ còn lại một vài quần thể tương đối phong phú ở Khu BTTN Nà Hang (Tuyên Quang), Ngọc Linh (Kon Tum). Tại VQG Kon Ka Kinh (Gia Lai) quần thể chỉ còn những cá thể nhỏ, sức sống kém. Mặc dù vậy loài này đang được thu lượm nhiều và dùng phổ biến làm thuốc. Loài đã được đưa vào Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (1996, 2001, 2006), Sách Đỏ Việt Nam (1996, 2007); Danh lục Đỏ Việt Nam (2007).

Một số loài thực vật thuộc họ Dương xỉ gỗ (*Cyathea* spp.), Móng ngựa (*Marattia* spp.) ngoài việc bị khai thác làm thuốc thì còn bị khai thác thân làm giá thể trồng lan hay trồng các loài hoa khác, làm cảnh. Đây cũng là một lý do quan trọng trong việc làm suy giảm số lượng cá thể của các loài làm thuốc này. Về việc sử dụng các loài khuyết thực vật tại cộng đồng địa phương hiện không phải ở mức quá lớn. Tuy nhiên do các loài khuyết thực vật thường cần có môi trường sống ẩm ướt nên hiện nay môi trường sống của chúng bị xâm hại. Độ ẩm giảm kéo theo các loài khuyết thực vật phải đối mặt với nhiều nguy cơ, nhiều loài hiện rất khó tìm thấy trong khu vực VQG. Rất cần thiết phải chọn lọc đối tượng và định hướng bảo tồn trong thời gian tới.

III. KẾT LUẬN

Thực vật bậc cao có mạch sinh sản bằng bào tử ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh hiện ghi nhận được 126 loài, 28 họ thuộc 4 ngành trong đó, ngành Khuyết lá thông (Psilotophyta) có 1 họ, ngành Thông đất (Lycopodiophyta) có 2 họ, ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta) có 1 họ và ngành Dương xỉ có 24 họ.

Lời cảm ơn: Tác giả xin chân thành cảm ơn Ban Chủ nhiệm đề tài TN3/T07 thuộc chương trình Tây Nguyên III đã tài trợ kinh phí thực hiện nghiên cứu này và xin bày tỏ lòng biết ơn tới Ban Quản lý, cán bộ kiểm lâm VQG Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai đã tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Aucts**, 1998-2000. Flora reipublicae popularis sinicae, Typis academiae scientiarum sinicae. Pekini, vol. 4-6.
2. **Đỗ Huy Bích và cộng sự**, 2004. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam. NXB. KHKT, tập 1-2.
3. **Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, phần Thực vật. NXB. KHTN & CN.
4. **Võ Văn Chi, Trần Hợp**, 1999. Cây cỏ có ích ở Việt Nam. NXB. Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, tập 1.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam. NXB. Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, tập 1-3.
6. **Phan Kế Lộc trong Trung tâm Tài nguyên và Môi trường**, 2001. Danh lục các loài thực vật ở Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, tập 1.
7. **Smith A. R. in K. Kubitzki**, 1990. The families and genera of vascular plants. 1: 203-245, Springer, Hamburg.
8. **Steenis van C. G. G. J. & R. E. Holttum**, 1982. Flora Malesiana. The Netherlands, vol. 1.
9. **Tadieu-Blot & C. Christen**, 1941. Flore générale de L'Indo-chine. Paris, vol. 7 (2).
10. **Tagawa M. & K. Iwatsuki**, 1985. Flora of Thailand. Bangkok. Thailand, vol. 3 part 1-4.

**STATE OF THE FERN IN KON KA KINH NATIONAL PARK,
GIA LAI PROVINCE**

DO THI XUYEN

SUMMARY

During the investigating field, we find out 126 species of fern belong to 28 families in 4 phylum in Kon Ka Kinh National Park. Among them Psilotophyta has 1 family, Lycopodiophyta has 2 families, Equisetophyta has 1 family and Polypodiophyta has 24 families. Some rich families such as Polypodiaceae (26 species), Dennstaedtiaceae (9 species), Dryopteridaceae and Lycopodiaceae (8 species). Some rich genera such as *Pteris* and *Asplenium* (7 species), *Pyrrosia* and *Colysis* (5 species),... . The fern distributed in many habitat types but mainly along the stream, wet soil, under the shadow,... Many species are rarely in Kon Ka Kinh national park.

State of the fern in Kon Ka Kinh National Park with many population reduction observed. Such as *Cibotium barometz* for medicinal and ornamental. Because of its root's beautiful and strange-looking, they are non rationally exploited by human. In the other hand, *Drynaria bonii* and *D. fortunei* for medicinal. They have only small population, individual poor quality, they are in Red Data Book Vietnam (2007). Some of species in *Cyathea* and *Marattia* are the same state. Up to now, fern have to opposite to be in danger. We need some conservation measures them as soon as possible.